TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THÁP MƯỜI** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 27/4/2023
"V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình về xin ly hôn, nuôi con, chia tài sản khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁP MƯỜI
TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông **Nguyễn Minh Phường**.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Văn Ánh** và ông **Lê Văn Vững**.

- Thư ký phiên toà: Bà **Hồ Thị Mỹ Linh** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tháp Mười tham gia phiên tòa: Ông **Võ Trung Hiếu** - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 06 và 27 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 440/2022/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2022, về việc "Tranh chấp hôn nhân và gia đình về xin ly hôn, nuôi con, chia tài sản khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2023, giữa:

1. Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Ánh T**, sinh năm 1970;
Địa chỉ: Ấp 4, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Ông **Phạm Văn D**, sinh năm 1966;
Địa chỉ: Ấp 4, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

(Bà T có mặt; Ông D vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo ý kiến tại đơn khởi kiện, biên bản không tiến hành hòa giải được nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ánh T trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông D tự quen biết nhau, được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới vào năm 1988, có đăng ký kết hôn và được UBND xã T, huyện T cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 31/7/2020. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng tháng 10/2020 thì phát sinh mâu thuẫn,

nguyên nhân là do bà bị bệnh u gan nên không thể sinh hoạt vợ, chồng bình thường được, từ đó ông D thường ra ngoài quen nhiều người phụ nữ khác, bà cũng biết việc này có tâm sự với ông D là ông D quen ăn bánh trả tiền thì bà vẫn chấp nhận nhưng ông D ngày càng quá đáng thường xuyên về nhà kiếm chuyện chửi bới và đánh đập bà, những lần bị đánh bà cũng có bị thương nhưng thương tích nhẹ bà tự đi điều trị. Đối với việc ông D đánh đập bà thì bà có báo việc này với Công an xã T và Công an xã T cũng có xuống làm việc với ông D. Đồng thời, vợ chồng đã ly thân từ tháng 10/2020 cho đến nay, trong thời gian ly thân cuộc sống ai người đó lo, không ai lo ai cho ai. Nay bà yêu cầu được ly hôn với ông D. Đồng thời, bà chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông D, bà không có yêu cầu xử lý hình sự gì đối với ông D.

- Về quan hệ nuôi con: Vợ chồng có 01 con chung tên Phạm Quốc Truyền - sinh ngày 11/02/1992, hiện nay con chung đã trưởng thành về thể chất, tinh thần phát triển bình thường, tự lao động sinh sống được nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về quan hệ tài sản: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về quan hệ nợ: Không có nợ ai và cũng không cho ai nợ. Bà cam kết lời trình bày này của mình nếu sau này có ai kiện đòi nợ bà và ông D thì bà xin chịu trách nhiệm cùng với ông D. Ngoài ra, bà không còn trình bày hoặc yêu cầu gì khác.

* Bị đơn ông Phạm Văn D mặc dù đã được Tòa án thông báo, triệu tập hợp lệ nhưng không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải, phiên tòa sơ thẩm và cũng không có văn bản ý kiến gì.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tháp Mười phát biểu:

- Về việc bảo đảm việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử chấp hành tốt pháp luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến tại thời điểm trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án, cũng như việc chấp hành các quy định về tố tụng dân sự và thực hiện các quyền, nghĩa vụ về tố tụng dân sự của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án được thực hiện đúng và đầy đủ nên Viện kiểm sát không có ý kiến, kiến nghị gì.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình và Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của Bà T đối với ông D.

** Tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ do đương sự cung cấp gồm:*

- Nguyên đơn nộp các tài liệu, chứng cứ gồm:

+ Giấy CMND và sổ hộ khẩu (Bản photo);
+ Trích lục kết hôn (Bản sao);
+ Giấy khai sinh con chung (Bản sao).

- Bị đơn không có nộp tài liệu, chứng cứ gì.

** Tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập gồm:*

+ Xác nhận của Công an xã T.

Các tài liệu trong hồ sơ đương sự thống nhất theo biên bản phiên họp công khai và tiếp cận chứng cứ ngày 01/02/2023.

* *Các tình tiết, sự kiện trong vụ án các bên đương sự thống nhất*: Không.

* *Các tình tiết mà các bên đương sự không thống nhất:* Toàn bộ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật, xét thấy: Bà T yêu cầu được ly hôn với ông D. Ngoài ra, các đương sự không còn yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật của vụ án này là "Tranh chấp hôn nhân và gia đình về xin ly hôn, nuôi con, chia tài sản khi ly hôn".

[2] Về thẩm quyền, xét thấy: Tranh chấp trên giữa các đương sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Đồng thời, bị đơn hiện nay đang cư trú tại ấp 4, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về tố tụng, xét thấy:

- Theo quyết định hoãn phiên tòa thì Hội thẩm nhân dân chính thức là ông Nguyễn Tuấn A và bà Nguyễn Thị Thanh T. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay do ông Tuấn A và bà T bận đi công tác đột xuất nên không thể tham gia phiên tòa được thay thế bằng ông Nguyễn Văn A và ông Lê Văn V là Hội thẩm nhân dân dự khuyết. Đương sự có mặt đồng ý việc thay đổi này, không có thắc mắc hoặc khiếu nại gì. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

- Tại phiên tòa sơ thẩm, ông D mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông D.

[4] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xét thấy:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông D tự quen biết nhau, được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới vào năm 1988, có đăng ký kết hôn và được UBND xã T, huyện T cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 31/7/2020. Quan hệ hôn nhân giữa Bà T và ông D được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống thì Bà T và ông D hạnh phúc thời gian đầu đến tháng 10/2020 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn, Bà T trình bày là do Bà T bị bệnh u gan nên không thể sinh hoạt vợ, chồng bình thường được, từ đó ông D thường ra ngoài quen nhiều người phụ nữ khác, Bà T cũng biết việc này có tâm sự với ông D là ông D quen ăn bánh trả tiền thì Bà T vẫn chấp nhận nhưng ông D ngày càng quá đáng thường xuyên về nhà kiếm chuyện chửi bới và đánh đập Bà T, những lần bị đánh Bà T cũng có bị thương

nhưng thương tích nhẹ Bà T tự đi điều trị. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 10/2020 đến nay và trong thời gian ly thân cuộc sống ai nấy lo. Xét thấy, Bà T và ông D đã ly thân nhau từ tháng 10/2020 đến nay, trong thời gian ly thân thì hai bên không có gặp nhau để hàn gắn tình cảm gì, từ đó cho đến nay cuộc sống của ai thì người đó lo, không ai chăm sóc cho ai là đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng và tình trạng hôn nhân đã trầm trọng. Đồng thời, ông D mặc dù đã được Tòa án thông báo, triệu tập hợp lệ nhưng không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa sơ thẩm và cũng không có văn bản ý kiến gì, điều này cho thấy ông D không có thiện chí muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng và tại phiên tòa sơ thẩm thì Bà T cương quyết xin ly hôn với ông D. Do đó, có đủ cơ sở xác định đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được. Từ những phân tích trên cho thấy hôn nhân giữa Bà T và ông D đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy lời trình bày và yêu cầu xin ly hôn của Bà T là có căn cứ nên chấp nhận.

- Về quan hệ nuôi con: Quá trình chung sống Bà T và ông D có một con chung tên Phạm Quốc Truyền - sinh ngày 11/02/1992. Xét thấy, đối với con chung đã trưởng thành, về thể chất, tinh thần phát triển bình thường và tự lao động sinh sống được. Đồng thời, Bà T trình bày là không yêu cầu Tòa án giải quyết, còn ông D thì không có ý kiến hoặc yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét giải quyết.

- Về quan hệ tài sản: Bà T trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, còn ông D thì không có ý kiến hoặc yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét giải quyết. Nếu sau này, giữa hai bên có phát sinh tranh chấp về quan hệ tài sản thì sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

- Về quan hệ nợ: Bà T trình bày không có nợ ai và cũng không cho ai nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết, còn ông D thì không có ý kiến hoặc yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét giải quyết. Nếu sau này, giữa hai bên hoặc người thứ ba có phát sinh tranh chấp về quan hệ nợ thì sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Tại phiên tòa sơ thẩm, đương sự có mặt xác định ngoài lời trình bày và các chứng cứ đã nộp cho Tòa án ra thì đương sự có mặt không còn chứng cứ nào khác để chứng minh cho yêu cầu của mình và cũng không yêu cầu Tòa án thu thập thêm chứng cứ gì. Ngoài ra, cũng không còn ai có yêu cầu gì khác.

[6] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà T về việc yêu cầu được ly hôn với ông D.

[7] Về ý kiến và đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tháp Mười:

- Về việc bảo đảm việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử chấp hành tốt pháp luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến tại thời điểm trước khi Hội đồng xét xử vào nghị

án, cũng như việc chấp hành các quy định về tố tụng dân sự và thực hiện các quyền, nghĩa vụ về tố tụng dân sự của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án được thực hiện đúng và đầy đủ nên Viện kiểm sát không có ý kiến, kiến nghị gì. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét và tiếp tục tiến hành phiên tòa theo thủ tục chung.

- Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của Bà T đối với ông D. Xét thấy, đề nghị của Viện kiểm sát là có căn cứ và phù hợp với nhận định trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí: Bà T phải chịu tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 235 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ánh T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Ánh T được ly hôn với ông Phạm Văn D.

2. Về quan hệ nuôi con: Đối với con chung tên Phạm Quốc Truyền - sinh ngày 11/02/1992 đã trưởng thành, về thể chất, tinh thần phát triển bình thường và tự lao động sinh sống được nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét giải quyết.

3. Về quan hệ tài sản: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về quan hệ nợ: Không có nợ ai và cũng không cho ai nợ.

5. Về án phí: Bà T phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0008493, ngày 05/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp. Bà T đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

6. Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án

dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Tháp Mười;
- CCTHADS huyện Tháp Mười;
- UBND xã Thạnh Lợi (Giấy chứng nhận kết hôn số 25/2020 ngày 31/7/2020);
- Lưu hồ sơ vụ án: (Linh).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa

Nguyễn Minh Phường

HỘI THẨM NHÂN DÂN	THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Nguyễn Văn Ánh - Lê Văn Vững	**Nguyễn Minh Phường**